

| CHỈ SỐ CHÍNH | Mới nhất | Tăng / Giảm | | Khối lượng | | | Số lượng cổ phiếu | | | P/E |
|------------------------------|----------|-------------|------|------------|--------|------|-------------------|------|------|------|
| | | điểm | % | KL | % | GDTT | Tăng | Giảm | Đứng | |
| Vnindex | 431.0 | 5.6 | 1.3% | 25.4 | 5.9% | 6.0 | 183 | 60 | 50 | 9.1x |
| HNX-Index | 74.3 | 1.3 | 1.8% | 29.2 | 53.7% | 2.1 | 223 | 66 | 28 | 6.8x |
| 20 CP vốn hóa lớn nhất | 472.4 | 5.5 | 1.2% | 5.6 | -19.9% | 4.1 | 14 | 3 | 3 | |
| 25 CP vốn hóa lớn trung bình | 198.9 | 5.4 | 2.8% | 12.9 | 43.8% | 0.7 | 20 | 0 | 5 | |
| 25 CP vốn hóa lớn nhỏ | 307.8 | 9.2 | 3.1% | 9.2 | 87.3% | 0.1 | 23 | 1 | 1 | |
| Ngân hàng | 262.4 | 0.5 | 0.2% | 2.3 | -47.0% | 5.7 | 23 | 1 | 1 | |
| Chứng khoán | 206.5 | 7.8 | 3.9% | 10.6 | 38.3% | 0.1 | 21 | 2 | 2 | |
| Xây dựng | 250.3 | 9.4 | 3.9% | 7.0 | 93.4% | 0.1 | 21 | 1 | 3 | |
| Bất động sản (trừ VIC) | 260.8 | 7.6 | 3.0% | 7.0 | 56.8% | 0.2 | 19 | 3 | 3 | |
| Thực phẩm (trừ MSN) | 324.3 | 6.4 | 2.0% | 1.8 | 87.6% | 0.2 | 11 | 5 | 9 | |

(Khối lượng: triệu cổ phiếu)

| THẾ GIỚI | Ngày | Tăng / Giảm | |
|-----------------------|--------|-------------|-------|
| | | điểm | % |
| Mỹ: Dow Jones | 12,583 | 168.4 | 1.3% |
| Mỹ: S&P | 1,340 | 19.0 | 1.4% |
| Anh: FTSE | 6,021 | -54.0 | -0.9% |
| Nhật: Nikkei 225 | 9,972 | 7.4 | 0.1% |
| Trung Quốc: Hang Seng | 22,748 | -22.5 | -0.1% |

| GIÁ HÀNG HÓA | Ngày | Tăng / Giảm | |
|-------------------------------|---------|-------------|--------|
| | | điểm | % |
| Vàng trong nước (trđ/ lượng) | 37.6 | (0.03) | (0.01) |
| Vàng thế giới (USD/ounce) | 1,497.8 | 15.4 | 1.0% |
| Giá dầu thế giới (USD/ thùng) | 94.8 | -0.2 | -0.2% |

| TỶ GIÁ | Mua vào | Bán ra | Thay đổi |
|-----------------|---------|--------|----------|
| | | | |
| VND/USD (tự do) | 20,580 | 20,600 | 0/0 |

| THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ | Chỉ số | Thay đổi | % |
|---------------------------------------|---------|----------|--------|
| | | | |
| Bơm ròng qua OMO (Tỷ VND) | (1,055) | (1,787) | (244) |
| Lãi suất tiền gửi VND/ năm (min- max) | 13.0% | 14.0% | |
| Lãi suất cho vay VND/năm (min-max) | 16.0% | 18.0% | |
| Lãi suất tiền gửi USD/ năm (min- max) | 1.0% | 2.0% | |
| Lãi suất cho vay USD/năm (min-max) | 4.0% | 6.0% | |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 1 năm | 12.51 | (0.06) | (0.44) |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 3 năm | 12.46 | (0.01) | (0.04) |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 5 năm | 12.46 | (0.01) | (0.10) |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 10 năm | 12.55 | (0.07) | (0.56) |

(Nguồn: VietinBank)

| KINH TẾ VĨ MÔ | T6 | Tích lũy | T7/2011 |
|----------------------------------|-------|----------|---------|
| | | | |
| Lạm phát so hàng tháng | 1.1% | | |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm) | 20.8% | | |
| Sản lượng Công nghiệp (triệu \$) | 13.6% | | |
| Lãi suất OMO | 15% | 14% | |
| Xuất khẩu (triệu \$) | 7,800 | 42,525 | |
| Nhập khẩu (triệu \$) | 8,200 | 49,354 | |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | (400) | (6,829) | |
| FDI cam kết (triệu \$) | 978 | 5,666 | |
| FDI giải ngân (triệu \$) | 780 | 5,300 | |

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

CÁC TIN TỨC VĨ MÔ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

- Tỷ giá USD bình quân liên ngân hàng không đổi ở 20.618 đồng. Tỷ giá USD tại các NHTM tăng khoảng 20 đồng so với sáng hôm qua.
- Theo công bố của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng ngày 1/7 tăng 1,92% so với ngày 30/6, từ 13,08%/năm lên 15%/năm.



- Thị trường trước phiên giao dịch đã xôn xao thông tin lãi suất trên thị trường mở giảm xuống 1% và có thể điều này đã tạo ra những phản ứng tích cực. Dòng vốn mua vào mạnh rất tập trung, ngoài SSI, KLS, vẫn là nhóm “hàng nóng” PVX, SHN, PVA, BVS, VND...

- Điểm tích cực hôm nay là nỗ lực duy trì được mức giá tốt trong toàn bộ thời gian giao dịch. Thường diễn biến tăng mạnh, khởi động sớm sẽ bị đuổi về cuối ngày. Hôm nay lực mua chặn đủ mạnh ở những mã quan trọng, dù nhiều cổ phiếu “ăn theo” có sóng điều chỉnh trong phiên tương đối mạnh.

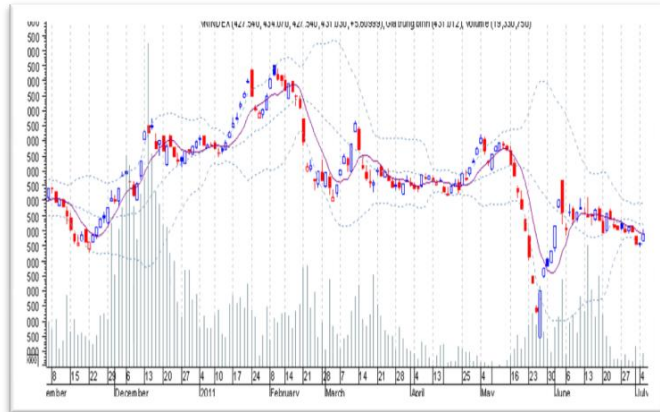
- Lượng vốn đẩy lên là thực, biến động giá rất tích cực. Tâm lý nhà đầu tư cũng chuyển biến tốt. Một lượng vốn đứng ngoài đã được hút trở lại, dù quy mô chưa hẳn là lớn. Sức cầu sẽ được thử thách thêm trong vài phiên tới khi nhiều mã phải đối diện với vùng kháng cự mà khối lượng hàng kẹt lại tương đối

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

- Thông tin hạ lãi suất OMO ít nhiều mang lại kỳ vọng “nới lỏng” tiền tệ trong Quý III/2011. Room cho tăng trưởng tín dụng vẫn còn khá rộng (13%), trong khi doanh nghiệp đang rất cần vốn để kinh doanh. Chúng tôi cho rằng sẽ hợp lý nếu NHNN sẽ “nới lỏng” chính sách tiền tệ trong quý III/2011 và “thắt chặt” cuối Quý IV/2011.

- Theo PTKT: Một phiên tăng điểm chưa nói lên được nhiều điều. VnIndex tăng điểm nhờ bên bán tiết cung. Nhà đầu tư nên quan sát chặt động thái từ NHNN, nếu chính sách tiền tệ nới lỏng, thị trường hoàn toàn có thể bước vào sóng mới. Trường hợp ngược lại, VnIndex sẽ đi ngang quanh mức 420 –



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

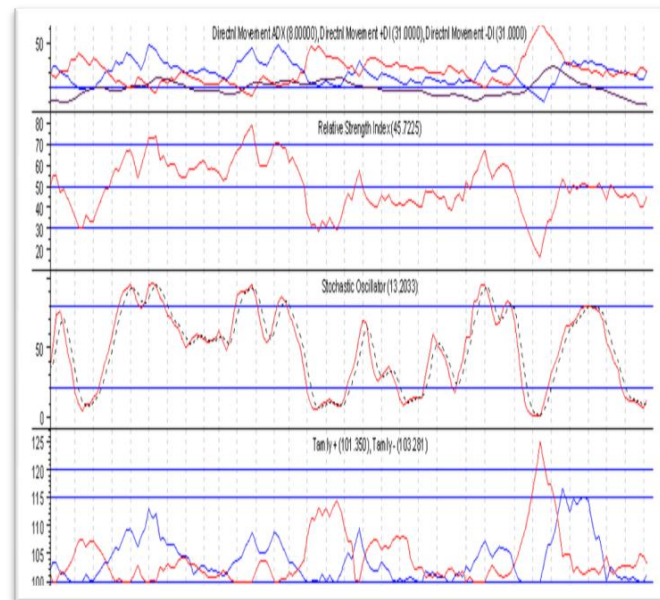
| | |
|-----------|----------|
| Ngắn hạn | Lên |
| Trung hạn | Đi ngang |
| Dài hạn | Xuống |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1 | 780 |
| Kháng cự 2 | 460 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 430 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 410 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|--------------------|----------|
| RSI (14) | Đi ngang |
| STO (14) | Đi ngang |
| MFI (14) | Xuống |
| Tâm lý tiêu cực | Xuống |
| KLGD | Xuống |
| Độ rộng thị trường | Xuống |



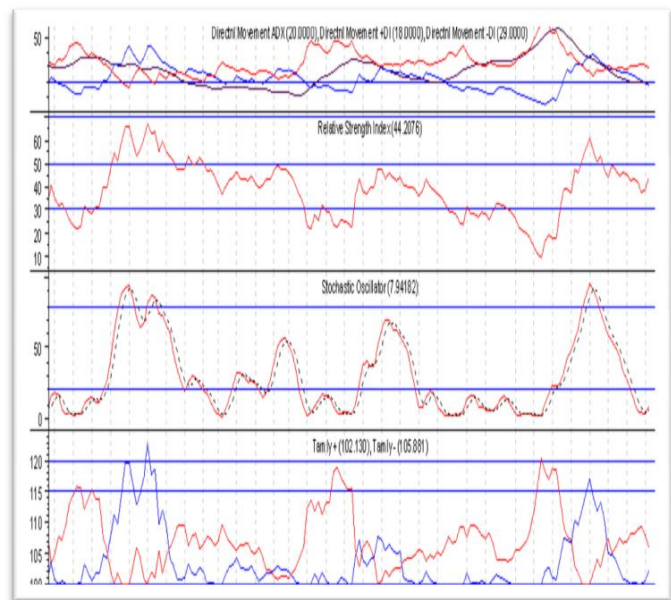
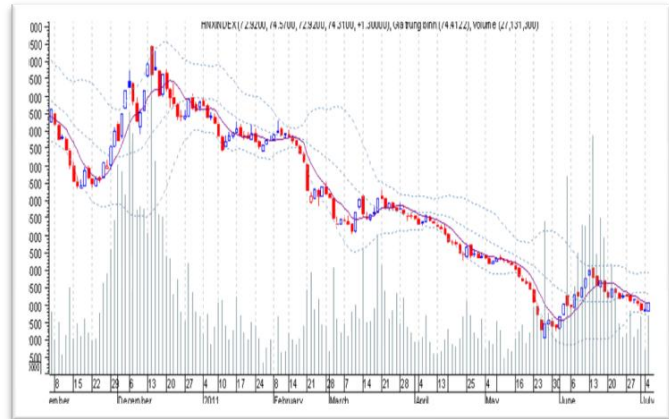
THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HOSE

- ITC** Từ ngày 21/6/2011 - 1/7/2011, Vietnam Azalea Fund Limited, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà (mã **ITC**-HSX) đã mua 808.290 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu nắm giữ lên 8.727.430 cổ phiếu, chiếm 12,71% vốn điều lệ.
- KHA** Từ ngày 7/7/2011 - 7/9/2011, bà Võ Thị Vân Anh - thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội (mã **KHA**-HSX) đăng ký mua 4.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 34.009 cổ phiếu, nhằm đầu tư.
- CNT** Từ ngày 8/7/2011 - 8/9/2011, ông Phùng Đạt Đức - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (mã **CNT**-HSX) đăng ký mua tiếp 7.500 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 43.000 cổ phiếu.
- DQC** Ngày 3/8/2011, Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang (mã **DQC**-HSX) sẽ chi trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%/cổ phiếu (1.200 đồng/1 cổ phiếu).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

- Theo PTKT: HnxIndex nhiều khả năng sẽ phân hóa trong các phiên tới. Những cổ phiếu dự báo kết quả kinh doanh tốt sẽ có sức bật: KLS, PVX,... các cổ phiếu khác có thể đi ngang và giảm.

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

| | |
|-----------|----------|
| Ngắn hạn | Lên |
| Trung hạn | Đi ngang |
| Dài hạn | Xuống |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|----|
| Kháng cự 1 | 90 |
| Kháng cự 2 | 82 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 74 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 70 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|--------------------|-------|
| RSI (14) | Xuống |
| STO (14) | Xuống |
| MFI (14) | Xuống |
| Tâm lý tiêu cực | Lên |
| KLGD | Xuống |
| Độ rộng thị trường | Xuống |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HNX

- PVL** Từ ngày 5/7/2011 - 1/9/2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam (mã **PVL-HNX**) đăng ký bán 4.505.300 cổ phiếu, nhằm ủy quyền bán cho khách hàng ủy thác và cơ cấu danh mục đầu tư.
- NVB** Từ ngày 8/7/2011 - 5/9/2011, bà Hoàng Thị Kim Tuyền, mẹ ông Đặng Thành Tâm - Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (mã **NVB-HNX**) đăng ký bán 397.800 cổ phiếu, nhằm giải quyết nhu cầu cá nhân.
- L18** Từ ngày 6/7/2011 - 30/8/2011, ông Đặng Văn Giang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (mã **L18-HNX**) đăng ký mua 40.000 cổ phiếu, nhằm tăng tỷ lệ sở hữu.
- CSC** Từ ngày 5/7/2011 - 26/8/2011, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (mã **CSC-HNX**) đăng ký bán 330.040 cổ phiếu, nhằm cơ cấu danh mục đầu tư.

HOSE

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|--------------|---------|-------------------------|--------------|--------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| KBC | 0.0 (0.00) | 120.1 K | STG | -1.1 (-4.96) | 30 |
| MCP | +0.5 (+5.00) | 13 K | HQC | -1.0 (-4.93) | 19.7 K |
| NTB | +0.4 (+5.00) | 138.6 K | LHG | -1.6 (-4.86) | 60 |
| PTC | +0.6 (+5.00) | 61 K | BGM | -0.7 (-4.73) | 10 K |
| VHG | +0.4 (+5.00) | 191.5 K | JVC | -0.9 (-4.69) | 4.9 K |

HNX

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|-----------------|-------|-------------------------|---------------|---------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| VCC | +1.0 (+11.24) | 6 K | CT6 | +0.36 (+3.71) | 1000 |
| VC9 | +0.59 (+6.40) | 900 | MAX | -0.13 (-0.72) | 153.8 K |
| VTC | +0.2 (+4.35) | 100 | TAG | -1.45 (-6.73) | 1.9 K |
| VC6 | +0.5 (+5.15) | 1.1 K | SGH | -5.5 (-6.96) | 1000 |
| PMS | -10.0 (-100.00) | 100 | VCS | -1.55 (-4.83) | 1.2 K |

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|--------------|---------|------------------------|--------------|--------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| SSI | +0.8 (+4.62) | 1.8 M | SSI | +0.8 (+4.62) | 33.2 B |
| STB | -0.1 (-0.77) | 944.7 K | STB | -0.1 (-0.77) | 12.3 B |
| PVT | +0.2 (+4.44) | 797 K | FPT | -0.1 (-0.22) | 11.9 B |
| ITC | +0.6 (+4.48) | 779.7 K | ITC | +0.6 (+4.48) | 10.9 B |
| REE | +0.3 (+2.65) | 760.1 K | VNM | +2.0 (+1.77) | 9.9 B |

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|---------------|---------|------------------------|---------------|--------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| KLS | -0.07 (-0.72) | 3.7 M | KLS | -0.07 (-0.72) | 40.7 B |
| PVX | -0.09 (-0.79) | 2.5 M | PVX | -0.09 (-0.79) | 30 B |
| VND | +0.01 (+0.11) | 1.7 M | ACB | +0.02 (+0.09) | 2.6 B |
| SCR | +0.01 (+0.11) | 1.4 M | VND | +0.01 (+0.11) | 17.7 B |
| ACB | +0.02 (+0.09) | 123.5 K | SCR | +0.01 (+0.11) | 15 B |

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|------|------|-----|--------------------------|-----|-------|------|
| Mã CK | Mua | Bán | M-B | Mã CK | Mua | Bán | M-B |
| SBT | 2.86 | 22.2 | 2.8 | FPT | 8 | 14.10 | -5.4 |
| DPR | 1.95 | 0 | 1.9 | CII | 6 | 4.48 | -4.4 |
| VCB | 4.20 | 2.4 | 1.7 | BVH | 0 | 4.15 | -4.1 |
| VCF | 1.74 | 0 | 1.7 | PVT | 0 | 2.81 | -2.8 |
| REE | 1.24 | 5.8 | 1.2 | SJS | 3 | 2.31 | -2.3 |

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|-------|-----|-------|--------------------------|-----|-------|--------|
| Mã CK | Mua | Bán | M-B | Mã CK | Mua | Bán | M-B |
| WSS | 732.2 | 0.3 | 732.2 | KLS | 550 | 1.2 | -694.1 |
| BVS | 497.5 | 0.3 | 497.5 | PVX | 1.4 | 2.1 | -662.8 |
| DLR | 372.6 | 0 | 372.6 | BKC | 0 | 267.4 | -267.4 |
| VNF | 132.3 | 0 | 132.3 | VND | 0 | 210.4 | -210.4 |
| PGS | 77.8 | 0 | 77.8 | PVI | 0 | 159.4 | -159.4 |

Khuyến cáo

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo này được VietinBankSc xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo này mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Liên Hệ

Trụ sở chính

306 Bà Triệu
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84.4) 6278 0012

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

49 Tôn Thất Đạm
Q. 1, TP. HCM
Tel: (84.8) 3820 9987

P. Giao dịch Thái Thịnh

Số 196 Thái Thịnh
Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84.8) 3519 0142

P. Giao dịch Phan Đăng Lưu

Tầng M, 24A Phan Đăng Lưu, P.6
Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: (84.8) 3551 5606